TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 8 - 2026
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Tuấn và bà Lại Thị Hồng Lê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2026/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 về việc " Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1992; số Căn cước công dân: 035192008186; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường P, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị X để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng: Anh Trần Xuân Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh Trần Thắng A, sinh năm 1982; số Căn cước công dân: 035082008571; địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường P, tỉnh Ninh Bình.

(Phiên tòa có mặt chị X, anh Thắng A).

NHẬN THẤY

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị X trình bày:

Chị đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện với anh Trần Thắng A vào ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống chưa phù hợp, mâu thuẫn về tiền bạc giữa hai vợ chồng dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, mặc dù anh chị đã cùng gia đình đã tìm cách hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả, vợ chồng thường xuyên cãi vã; vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2026

đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thắng A.

* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Thắng A trình bày:

Anh và chị Phạm Thị X đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn; tuy nhiên đến tháng 5/2026 thì anh phát hiện ra chị X có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh có nói chuyện khuyên nhủ nhưng chị X không nghe, chị X giận dỗi bỏ về nhà ngoại ở, anh đã nhiều lần đến nhà vợ thăm hỏi, hòa giải nhưng chị X không đồng ý về chung sống cùng anh. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

* Về con chung: Chị X và anh T Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Mạnh H, sinh ngày 18/7/2019 và cháu Trần Quỳnh C, sinh ngày 27/01/2021, hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị X. Khi ly hôn chị X xin nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh T Anh cấp dưỡng nuôi con chung 7.000.000 đồng/tháng đối với hai cháu. Anh Thắng A có quan điểm trong trường hợp chị X kiên quyết ly hôn, anh xin được nuôi cả hai cháu và yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi cháu H số tiền là 6.000.000 đồng/tháng.

* Về con riêng: Chị X, anh T Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị X không có thai nghén gì.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị X và anh T Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đối với cháu Trần Mạnh H: Theo quy định của pháp luật, khi giải quyết vụ án ly hôn nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Mặc dù cháu H đã đủ 07 tuổi nhưng chị X xác định cháu bị bệnh tự kỷ, tăng động, giao tiếp gặp rất nhiều khó khăn, không nhận thức được nên cháu không thể trình bày nguyện vọng được.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị X thay đổi quan điểm về con chung, chị xác định hiện tại chị đang ở nhờ nhà mẹ đẻ, thu nhập của chị không đủ trang trải cuộc sống của 03 mẹ con nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu, chị xin nuôi cháu C, để anh T Anh nuôi cháu H, không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; các nội dung khác chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

- Bị đơn anh Trần Thắng A thay đổi, bổ sung ý kiến: Về con chung anh đề nghị giao cả 02 con chung cho chị X nuôi dưỡng, chăm sóc, anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ 1 cháu/ 1 tháng; về phần tài sản và công nợ chung anh yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là 01 xe Vision trị giá 40.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 14 promax trị giá 15.000.000 đồng và khoản nợ chung

là số tiền 10.000.000 đồng vay của anh H1 là cháu họ anh T Anh theo quy định của pháp luật; các nội dung khác anh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị X và anh Trần Thắng A.

Về con chung: Giao cháu Trần Mạnh H, sinh ngày 18/7/2019 cho anh Trần Thắng A chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Quỳnh C, sinh ngày 27/01/2021 cho chị Phạm Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị X phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Thắng A có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số A, phường P, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Phạm Thị X và anh Trần Thắng A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị X và anh Trần Thắng A kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Ninh Bình), đã thoả mãn các điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị X, HĐXX thấy rằng:

Sau kết hôn chị X và anh T Anh chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 5/2026 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị X xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quan điểm sống và cách sống không phù hợp, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh Thắng A không quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; phía anh T Anh xác định nguyên nhân là do vào tháng 5/2026 anh phát hiện chị X ngoại tình với người đàn ông khác, anh khuyên bảo nhưng chị X không nghe mà bỏ về nhà ngoại ở, anh đã nhiều lần đến nói chuyện, hòa giải, cho nhau cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng chị X không đồng ý. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn hai bên đưa ra là khác nhau để bảo vệ quan điểm của mình nhưng việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn là có thật và thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2026 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Anh T Anh xin đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho ly hôn giữa chị X và anh Thắng A là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Mạnh H, sinh ngày 18/7/2019 và cháu Trần Quỳnh C, sinh ngày 27/01/2021. Quá trình giải quyết vụ án chị X và anh T Anh đều xin nuôi cả hai cháu; tuy nhiên tại phiên tòa anh chị thay đổi quan điểm, chị X xin nuôi cháu C để anh T Anh nuôi cháu H, phía anh T Anh có quan điểm giao cả 02 cháu cho chị X nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/ 1 tháng. HĐXX thấy rằng, việc nuôi con là quyền và là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái. Chị X và anh T Anh đều có chỗ ở, có công việc và thu nhập, có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Do vậy, để ổn định cuộc sống của các cháu, cần giao cháu Quỳnh C cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Mạnh H cho anh T Anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con nuôi, con riêng: Chị X, anh T Anh xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị X, anh T Anh trong quá trình giải quyết vụ án không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh T Anh yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng là 01 xe Vision trị giá 40.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 14 promax trị giá 15.000.000 đồng và công nợ chung của vợ chồng là số tiền 10.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng: Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phân chia tài sản chung, công nợ chung trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/7/2026, anh T Anh có mặt và xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về

phần tài sản chung, công nợ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX không xem xét yêu cầu chia tài sản chung, công nợ của anh T Anh trong vụ án này, anh Thắng A có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị X phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị X và anh Trần Thắng A.

2/ Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Quỳnh C, sinh ngày 27/01/2021; giao cho anh Trần Thắng A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Mạnh H, sinh ngày 18/7/2019 kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị X phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị X (do ông Trần Xuân Đ nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000214 ngày 14/7/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị X đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị X, anh T Anh có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Phủ Lý, Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Ngân